

Bản án số: 126/2019/HS-ST
Ngày: 19-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Phan Thị Kiên – Bí thư huyện đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **123/2019/TLST-HS** ngày **15** tháng **10** năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **136/2019/QĐXXST-HS** ngày **08** tháng **11** năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lâm Vương K, sinh ngày **30-4-2002**, tại tỉnh T1; nơi cư trú: Ấp Rộc B, xã T, huyện G1, tỉnh T1; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Hữu K1, sinh năm 1981 và bà Phùng Thị Kim C1, sinh năm 1978; vợ, con, anh em ruột: Không có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 19/3/2019, bị Công an xã Bàu Đồn, huyện G1 xử phạt 1.125.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản (trộm gà), chấp hành xong ngày 06/8/2019; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-8-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt;

2. Bùi Minh C, sinh năm **1998**, tại tỉnh T1; nơi cư trú: Ấp Thuận An, xã TM, huyện D, tỉnh T1; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Giang, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Hằng, sinh năm 1981; có vợ là Phạm Thị Thu An, sinh năm 2001; không có con, anh em ruột: Có 01 người; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24/4/2019, bị Công an xã TM, huyện D xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 24/5/2019; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-8-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt;

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh, huyện G1, tỉnh T1; vắng mặt.

- Anh Lê Trường Đ, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Suối Dây, huyện T2, tỉnh T1; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K:

- Ông Lâm Hữu K1, sinh năm 1981; có mặt.

- Bà Phùng Thị Kim C1, sinh năm 1978; có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Rộc B, xã T, huyện G1, tỉnh T1.

Người bào chữa cho bị cáo K: Bà Trần Thị Cẩm Vân, sinh năm 1969; là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T1; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Minh Khanh, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh, huyện G1, tỉnh T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/4/2019, bị cáo K đến nhà bị cáo C ngụ ấp Thuận An, xã Ruông Mít, huyện D chơi, đến 23 giờ cùng ngày có Duy (bạn bị cáo C) điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki, loại Satria, màu đen chạy đến nhà C. Tại đây, bị cáo C mượn xe mô tô của Duy chở bị cáo K về, do nhà khóa cửa nên bị cáo C chở bị cáo K quay về. Khi đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị Kiều O, ngụ ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh, huyện G1, thấy xe mô tô hiệu Wave, biển số 70L3 – 3462 dừng trước nhà, bị cáo K kêu bị cáo C dừng xe để vào nhà lấy trộm. Bị cáo K đi bộ vào nhà lấy trộm xe mô tô biển số 70L3 – 3462 đẩy ra ngoài đường, vì không có chìa khóa nên bị cáo K ngồi trên xe trộm được, bị cáo C điều khiển xe mô tô và dùng chân đẩy về đem giấu xe mô tô vào chòi cá gần nhà. Do Duy đòi lại xe nên bị cáo C chở Duy. Tại chòi cá, bị cáo C nói với Duy “Xe mô tô biển số 70L3-3462 là của mẹ bị cáo K để ở ngoài nhà không có chìa khóa xe, sợ bị mất nên nhờ bị cáo C đẩy về đây” và nhờ Duy cắt dây bình. Bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 70L3 – 3462, còn Duy điều khiển xe mô tô của Duy chở bị cáo C đến tiệm game bắn cá do người tên Phước (không rõ họ tên và địa chỉ) trông coi tại ấp 2, xã Bàu Đồn, huyện G1 thế chấp xe mô tô, lấy 900.000 đồng chơi game bắn cá thua hết, C cùng K quay về nhà C ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 28/7/2019, anh Lê Minh Khanh (Tân), ngụ ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh, huyện G1 hỏi tìm mua xe cũ, bị cáo C dẫn anh Khanh đến gặp Phước xem xe mô tô biển số 70L3-3462 và đồng ý mua lại với giá 1.000.000 đồng. Ngày 29/4/2019, chị O phát hiện xe mô tô của mình ở nhà anh Khanh nên đến Cơ quan Công an trình báo.

Qua điều tra bị cáo K khai nhận, khoảng 18 giờ ngày 04/7/2019, khi đang ở phòng trọ số 4 của nhà trọ Kim Loan thuộc ấp Phước Đức B, xã Phước Đ, huyện G1, bị cáo K đi ngang phòng trọ số 01 của anh Lê Trường Đ, thấy anh Đ ngủ để điện thoại di động hiệu Vivo Y83, màu đen đang sạc pin ở cửa phòng trọ, bị cáo K lấy trộm điện thoại mang đến nhà của anh Nguyễn Quốc Thiện, ngụ ấp Thuận Hòa, xã TM, huyện D nhờ anh Thiện mang điện thoại đi bán dùm, anh Thiện hỏi “điện thoại của ai”, bị cáo K nói “điện thoại tao nhặt được”. Thiện đem đến cửa hàng điện thoại di động Nguyễn Chung tại thành phố Tây Ninh do anh Nguyễn Quốc Chung làm chủ, bán được 1.500.000 đồng. Bị cáo K đưa cho Thiện 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng, số tiền còn lại bị cáo K tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan C sát điều tra, bị cáo K và C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐ ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G1, tỉnh Tây Ninh xác định: 01 xe mô tô Wave hiệu Xinha, màu sơn đỏ, biển số 70L1-3462, số khung HDU5MH083097, số máy 2FMH00083097, có giá trị 3.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐ ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G1, tỉnh Tây Ninh xác định: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y83, màu đen, có giá trị 1.300.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 70L3-3462, đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Kiều O; 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y83 màu đen, đã trả lại cho Lê Trường Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Trường Đ, chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Lê Minh Khanh không yêu cầu bồi thường.

Bà Phùng Thị Kim C1 (mẹ ruột K) đã mua lại điện thoại trả lại cho anh Đ xong. Bà C1 không yêu cầu bồi thường.

Về kê biên tài sản: Do Lâm Vương K và Bùi Minh C không có tài sản nên Cơ quan C sát điều tra Công an huyện G1, tỉnh Tây Ninh không kê biên.

Bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 25-10-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G1, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Lâm Vương K, Bùi Minh C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo K, C đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G1 giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lâm Vương K từ 09 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo K.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Minh C từ 09 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại không yêu cầu bồi thường.

Xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo K trình bày: Bị cáo K xuất thân từ gia đình nghèo, cha mẹ đã ly hôn, thiếu sự chăm sóc của cha, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế. Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo là người chưa thành niên phạm tội và phạm tội ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo K từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Kiểm sát viên trình bày tranh luận: Thống nhất với những tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa cho bị cáo K nêu ra. Nhưng không đồng ý theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo K. Vẫn giữ nguyên quan điểm đề xuất xử phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Bị cáo K, C không trình bày tranh luận.

Bị cáo K, C nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G1, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo Lâm Vương K, Bùi Minh C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 27/4/2019, bị cáo K, bị cáo C đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Wave hiệu Xinh của chị Nguyễn Thị Kiều O có giá trị 3.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lâm Vương K, Bùi Minh C đã phạm tội “Trộm

cấp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, không chỉ để cải tạo giáo dục bị cáo mà còn để răn đe những người khác, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[4.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo K, C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng đối với bị cáo K là người chưa thành niên phạm tội, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Phùng Thị Kim C1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả, mua lại điện thoại trả lại cho bị hại là anh Lê Trường Đ nên bị cáo K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Bị cáo K là người chủ động yêu cầu bị cáo C dừng xe và trực tiếp có hành vi trộm cắp tài sản của chị O nên bị cáo K phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo C. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, bị cáo K là người chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để căn nhắc áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo, nhằm thi hành chính sách của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 19/3/2019, bị Công an xã Bàu Đôn, huyện G1 xử phạt 1.125.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản (trộm gà), chấp hành xong ngày 06/8/2019; ngày 04/7/2019, bị cáo K còn có hành vi trộm điện thoại Vivo Y83 trị giá 1.300.000 đồng của anh Lê Trường Đ.

Đối với bị cáo C có 01 tiền sự: Ngày 24/4/2019, bị Công an xã TM, huyện D xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 24/5/2019.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Lê Trường Đ, anh Lê Minh Khanh không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kiều O đã nhận lại 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 70L3-3462; anh Lê Trường Đ đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y83 màu đen.

[8] Xét lời trình bày của bà Trần Thị Cẩm Vân xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lâm Vương K 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21-8-2019.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Minh C 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 21-8-2019.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kiều O, anh Lê Trường Đ, anh Lê Minh Khanh không yêu cầu bồi thường.

2.2. Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kiều O đã nhận lại 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 70L3-3462; anh Lê Trường Đ đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y83 màu đen.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Bị cáo Lâm Vương K, Bùi Minh C, mỗi bị cáo phải chịu: 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ

ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã/phường địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo;
- Những người TGT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn